

Số: **395**/BC-CCTTBVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **19** tháng **4** năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 11 tháng 4 năm 2023 đến ngày 18 tháng 4 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Có mây, chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi, ngày nắng, gió nhẹ. Nhiệt độ thấp nhất từ 24°C - 27°C có nơi trên 27°C, nhiệt độ cao nhất từ 32°C - 35°C.

Dự báo tuần tới: Chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi; ngày nắng, có nơi nắng nóng. Nhiệt độ trung bình từ: 29°C - 30°C. Giá trị tổng lượng mưa 20 - 40 mm.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa vụ Hè thu 2023

Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Mạ	1.503
Đẻ nhánh	200
Làm đòng	-
Trổ	-
Chín	-
Thu hoạch	-
Tổng	1.703

b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau Hè Thu 2023		1.831,9	2. Hoa, cây kiểng	Nhiều giai đoạn	1.699,8
- RALNN	Nhiều giai đoạn	635,0	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	340
- RALDN	-	-	Hoa mai	Nhiều giai đoạn	765
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	146,3	3. Cây lương thực		0,2
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	159,8	Bắp	Cây con	0,2
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	133,4	Khoai mì	-	-
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	105,2	4. Cây công nghiệp	Nhiều giai đoạn	837,3
- RMN	Nhiều giai đoạn	195,0			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước;

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Số liệu theo dõi côn trùng vào bẫy đèn rầy nâu trên lúa (con/bẫy/đêm)

TT	HUYỆN	XÃ	Ngày vào đèn							
			10/4	11/4	12/4	13/4	14/4	15/4	16/4	17/4
1	Củ Chi	Thái Mỹ	18	21	17	14	12	16	10	7
		Trung Lập Thượng	56	68	60	48	62	65	68	60

III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

a) Trên cây lúa vụ Hè thu 2023

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ trĩ	3-5			1-5	CC
2	Sâu phao	1-5			1-5	CC
3	OBV	3-10			Các giai đoạn	CC
4	Chuột	3			Các giai đoạn	CC

b) Trên cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhày	2-120			1-5	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	1-10			1-5	HM, Q12, CC, BC, BT
3	Sâu tơ	3-12			1-5	TD, HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	2-6			1-5	HM
5	Sâu đục trái	2-4			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	2-100			1-5	TD, HM, Q12, BC, BT
7	Bọ trĩ	1-10			1-5	BC
8	Rầy mềm	1-900			1-5	BC, BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	HM, BC
10	Rầy xám	100->500			1-5	TD, HM, Q12
11	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
12	Bọ xít đen	5-10			1-5	TD
13	Ruồi đục trái	3-5			1-5	BC
14	OBV	3-30			Các giai đoạn	TD, HM, Q12
15	Ốc sên	2-5			Các giai đoạn	Q12, BC
16	Tnhũn/r.cải	1-10			1-3	HM, Q12, BC
17	Ri trắng/RM	2-10			1-3	TD, HM, Q12, CC, BC, BT
18	Đóm lá	2-5			1-3	BC, HM, Q12
19	Ph.vàng/dừa leo, khô qua	5-7			1-3	HM
20	Vàng lá	2-10			1-3	TD, HM

2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

a) Cây lúa vụ Hè thu 2023

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 252 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (22 ha). Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: Bọ trĩ, sâu phao, ốc brou vàng và chuột. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- *Bọ trĩ*: gây hại trên 90 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (8 ha).
- *Sâu phao*: gây hại trên 18 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (0 ha).
- *Ốc brou vàng*: gây hại trên 73 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (9 ha).
- *Chuột*: gây hại trên 71 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (5 ha).

b) Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tuần qua là 342,5 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (287,7 ha), trong đó diện tích phòng trừ là 205,7 lượt ha chiếm 60,1% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, bọ nhậy, sâu tơ, rầy xám, bệnh rỉ trắng, bệnh đốm lá và ốc brou vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- *Sâu ăn tạp*: gây hại trên 52,6 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (50,5 ha).
- *Sâu xanh*: gây hại trên 22,6 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (19,4 ha).
- *Bọ nhậy*: gây hại 17,4 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (13,2 ha).
- *Sâu tơ*: gây hại trên 10,9 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (10,1 ha).
- *Rầy xám*: gây hại trên 18,9 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (18,8 ha).
- *Ốc brou vàng*: gây hại trên 169 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (135,6 ha).
- *Bệnh rỉ trắng*: gây hại 18,7 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (15,3 ha).
- *Bệnh đốm lá*: gây hại 67,0 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (7,2 ha).
- *Bệnh vàng lá* gây hại 5,8 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (1,3 ha).

d) Trên cây trồng khác

Cây khoai mì: Chưa ghi nhận diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khảm lá.

Cây dứa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dứa.

Cây bắp: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp.

IV. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- *Rầy nâu*: Rầy nâu ngoài đồng phổ biến trưởng thành - tuổi 1 với mật số thấp. Cần tiếp tục theo dõi chặt chẽ đối tượng này để có biện pháp kịp thời xử lý. Các địa phương chuẩn bị xuống giống lúa Hè Thu 2023 cần chuẩn bị giống tốt, làm đất kỹ, thời gian xuống giống theo khuyến cáo của cơ quan chuyên môn.

- *Ốc brou vàng*: gây hại trên lúa Hè Thu 2023 mới xuống giống, đặc biệt trên các chân ruộng thấp, trũng, khó thoát nước. Triển khai các biện pháp quản lý ốc

bướu vàng trên diện rộng để mang lại hiệu quả phòng trừ cao. Đặt lưới, phên tre chặn ở cống, bọng dẫn nước để ngăn chặn ốc lây lan, cắm các cọc tre, sậy ở những chỗ ngập nước, mương kênh tưới để thu hút ốc đến đẻ trứng và thu gom ổ trứng đem tiêu hủy dễ dàng.

- *Các loại sâu hại*: Thăm đồng thường xuyên, theo dõi sát diễn biến của sâu hại trên đồng, cần chú ý đến sâu phao, bọ trĩ ở giai đoạn mạ trên lúa vụ Hè thu.

- Các đối tượng khác xuất hiện và gây hại với tỷ lệ và mật số không cao.

b) Cây rau

- *Rau ăn lá*: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhậy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như bệnh gỉ trắng trên cây rau muống, bệnh đốm lá, vàng lá.

- *Rau ăn quả*: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá, vàng lá.

c) Cây hoa kiểng

- *Hoa lan*: Bệnh thán thư, thối thân, vàng lá, đốm lá và một số côn trùng gây hại như nhện đỏ, muỗi đục nụ, ốc sên.

- *Hoa mai*: Sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh nấm hồng.

d) Cây trồng khác

- *Cây khoai mì*: Tiếp tục theo dõi bệnh khảm lá virus trên cây khoai mì vụ Đông xuân 2022 - 2023. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như: nhện đỏ, bọ phấn trắng, rệp sáp bột hồng, rệp sáp... gây hại trên sản giai đoạn phát triển thân lá - phát triển củ - thu hoạch.

- *Cây bắp*: Cần lưu ý sâu keo mùa thu... trên bắp ở giai đoạn 5 lá - xoáy nõn - trở cờ. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại khác như sâu xám, bệnh đốm lá, chuột,...

- *Cây dừa*: Cần lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi diễn biến sinh vật gây hại trên đồng và tình hình xuống giống lúa Hè Thu 2023.

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sản.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ NN&PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCN);
- UBND TP. Thủ Đức;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT;
- Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trương Công Lục



PHỤ LỤC I
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH TRỒNG VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT TRÊN CÂY LÚA VỤ HÈ THU NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số: **865** / **BCH** và **PHỤ LỤC I** ngày **19** tháng **4** năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)



STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	Số sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhệ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bộ trĩ	90			90	61	8		CC
2	Sâu phao	18			18	2	-		CC
3	OBV	73			73	73	9		CC
4	Chuột	71			71	71	5		CC
	Tổng	252			252	252	252		

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II
TỔNG HỢP ĐIỆN TÍCH NHIỆM SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU
 (Kèm theo Báo cáo số: 395 /BC-CCTTBTV, ngày 29 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhệ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ nhậy	17,4			17,4	15,0	13,2	12,6	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	22,6			22,6	15,9	19,4	15,5	HM, Q12, CC, BC, BT
3	Sâu tơ	10,9			10,9	9,9	10,1	8,5	TD, HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	0,2			0,2	0,2	0,4	0,1	HM
5	Sâu đục trái	1,8			1,8	1,8	1,6	1,8	BC
6	Sâu ăn tạp	52,6			52,6	41,4	50,5	33,5	TD, HM, Q12, BC, BT
7	Bọ trĩ	0,8			0,8	0,8	0,1	0,8	BC
8	Rầy mềm	1,3			1,3	1,3	1,7	1,2	BC, BT
9	Rầy xanh	0,4			0,4	0,3	0,5	0,3	HM, BC
10	Rầy xám	18,9			18,9	14,9	18,8	10,2	TD, HM, Q12
11	Sâu đục đọt	1,1			1,1	1,1	1,6	1,1	BC
12	Bọ xít đen	4,0			4,0	4,0	1,0		TD
13	Ruồi đục trái	4,6			4,6	4,6	3,3	4,6	BC
14	OBV	169,0			169,0	84,6	135,6	90,3	TD, HM, Q12
15	Ô sên	0,60			0,60	0,60	0,5	0,5	Q12, BC
16	Tnhữ/r.cài	3,7			3,7	2,3	4,5	2,6	HM, Q12, BC
17	Ri trắng/RM	18,7			18,7	13,4	15,3	13,2	TD, HM, Q12, CC, BC, BT
18	Dóm lá	7,0			7,0	6,4	7,2	4,5	BC, HM, Q12
19	Ph. vàng/dưa leo, khổ qua	1,1			1,1	0,9	1,0	0,6	HM
20	Vàng lá	5,8			5,8	3,4	1,3	3,8	TD, HM
	Tổng	342,5			342,5	222,8	287,7	205,7	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

